

Mẫu số 01
UBND XÃ KỶ VÂN

Phụ lục 01: TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT HỖ TRỢ ĐỐI VỚI CÂY TRỒNG BỊ THIẾT HẠI DO BÃO SỐ 5 VÀ BÃO SỐ 10 NĂM 2025
(Kèm theo Báo cáo số 245 /UBND-KT ngày 21 /9/2026 của UBND xã Kỳ Vân)

T T	Thôn (cũ)	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích											Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích											Kinh phí đề xuất hỗ trợ																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					
			Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm					Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm					Tổng NSNN hỗ trợ	Trong đó																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																		
			Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây con đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng	Sau gieo trồng từ 01 đến 45 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)		Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																						

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KỶ VÂN

UBND XÃ KỲ VẤN

Phụ lục 02: TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT HỖ TRỢ ĐỐI VỚI LÂM NGHIỆP BỊ THIẾT HẠI DO BÃO SỐ 5 VÀ BÃO SỐ 10 NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số 245 /UBND-KT ngày 21 /9/2026 của UBND xã Kỳ Vấn)

TT	Thôn (cũ)	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70%					Thiệt hại từ 30% đến 70%					Kinh phí đề xuất hỗ trợ		
			Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm		Tổng NSNN hỗ trợ	Trong đó	
						Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		Ngân sách Trung ương	NSDP đảm bảo
A	1	2	(ha) 3	(ha) 4	(ha) 5	(ha) 6	(ha) 7	(ha) 8	(ha) 9	(ha) 10	(ha) 11	(ha) 12	tr.đồng 13	tr.đồng 14	tr.đồng 15
1	Liên Sơn	7.070,46	23,57	122,36	-	-	-	5,83	9,84	-	-	-	2.121,137	1.696,910	424,227
2	Thanh Sơn	32,00	1,20	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9,600	7,680	1,920
3	Nam Mỹ Lợi	4.739,58	16,81	67,36	-	-	-	43,38	13,79	-	-	-	1.421,873	1.137,499	284,375
4	Bắc Sơn	9.132,39	91,90	116,84	-	-	-	24,99	20,25	-	-	-	2.739,717	2.191,774	547,943
5	Nam Sơn	12.617,45	69,20	215,23	-	0,08	-	-	-	-	-	-	3.785,235	3.028,188	757,047
6	Nam Xuân	21.283,24	103,71	330,23	-	-	-	43,63	56,97	-	-	-	6.384,971	5.107,977	1.276,994
7	Tây Xuân	21.172,58	98,41	327,00	-	-	-	68,09	51,62	-	-	-	6.351,774	5.081,419	1.270,355
8	Đồng Xuân	31.787,10	205,96	449,66	-	-	-	140,20	77,70	-	-	-	9.536,130	7.628,904	1.907,226
9	Hồng Xuân	14.597,10	96,32	220,04	-	0,10	-	52,51	12,52	-	-	-	4.379,130	3.503,304	875,826
10	Trung Xuân	13.923,35	64,78	190,03	-	-	-	78,69	65,81	-	-	-	4.177,004	3.341,603	835,401
11	Hoà Hợp	2.863,18	13,09	34,72	-	-	-	3,46	29,28	-	-	-	858,953	687,162	171,791
12	Bắc Xuân	13.313,39	145,65	148,30	-	-	-	44,20	57,00	-	-	-	3.994,018	3.195,215	798,804
13	Đất Đỏ	9.535,60	35,36	155,12	-	-	-	22,85	21,29	-	-	-	2.860,680	2.288,544	572,136
14	Trung Sơn	13.822,35	62,41	235,98	-	-	-	12,58	7,66	-	-	-	4.146,706	3.317,364	829,341
15	Mỹ Liên	6.383,08	22,11	104,71	-	-	-	8,80	17,64	-	-	-	1.914,923	1.531,939	382,985
16	Trường Xuân	13.398,95	137,68	154,41	-	-	-	66,13	45,01	-	-	-	4.019,685	3.215,748	803,937
17	Mình Xuân	10.403,81	59,98	163,56	-	-	-	13,63	17,79	-	-	-	3.121,142	2.496,914	624,228
18	Văn Lạc	4.452,90	60,21	51,15	-	-	-	16,01	3,06	-	-	-	1.335,871	1.068,697	267,174
19	Đại Đồng	836,89	9,94	11,41	-	-	-	0,10	-	-	-	-	251,067	200,853	50,213
	TỔNG SỐ	211.365,39	1.318,28	3.098,11	-	0,18	-	645,09	507,22	-	-	-	63.409,617	50.727,693	12.681,923

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KỲ VẤN

Phụ lục 03: TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT HỖ TRỢ THỦY SẢN (GỒM NUÔI TRỒNG THỦY SẢN, SẢN XUẤT, ỨƠNG DƯỠNG GIỐNG THỦY SẢN) BỊ THIẾT HẠI DO BÃO SỐ 5 VÀ BÃO SỐ 10

(Kèm theo Báo cáo số 245 /UBND-KT ngày 21 /9/2026 của UBND xã Kỳ Văn)

TT	Thôn (cũ)	Tổng giá trị thiệt hại	Nuôi trồng thủy sản bán thâm canh, thâm canh trong ao (đầm/hầm)	Nuôi trồng thủy sản trong bể, lồng, bè	Nuôi trồng thủy sản theo hình thức khác	Kinh phí đề xuất hỗ trợ		
						Tổng NSNN hỗ trợ	Trong đó	
							Ngân sách Trung ương	NSDP đảm bảo
		tr.đồng	Ha nuôi bị thiệt hại	100m3 thể tích nuôi bị thiệt hại	Ha diện tích nuôi bị thiệt hại	tr.đồng	tr.đồng	tr.đồng
A	1	2	3	4	5	6	7	8
1	Liên Sơn	17,06	-	-	0,34	5,118	4,094	1,024
2	Nam Mỹ Lợi	1,50	-	-	0,03	0,450	0,360	0,090
3	Bắc Sơn	4,00	-	-	0,08	1,200	0,960	0,240
4	Nam Sơn	5,00	-	-	0,10	1,500	1,200	0,300
5	Tây Xuân	8,00	-	-	0,16	2,400	1,920	0,480
6	Hồng Xuân	14,25	-	-	0,29	4,275	3,420	0,855
7	Hoà Hợp	7,50	-	-	0,15	2,250	1,800	0,450
8	Bắc Xuân	10,00	-	-	0,20	3,000	2,400	0,600
9	Đất Đỏ	64,50	-	-	1,29	19,350	15,480	3,870
10	Mỹ Liên	26,61	-	-	0,53	7,982	6,385	1,596
11	Văn Lạc	76,50	-	-	1,53	22,950	18,360	4,590
12	Đại Đồng	20,00	-	-	0,40	6,000	4,800	1,200
	TỔNG SỐ	254,92	-	-	5,10	76,475	61,180	15,295

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KỲ VĂN

Mẫu số 04
UBND XÃ KỲ VẤN

Phụ lục 04: TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT HỖ TRỢ VẬT NUÔI BỊ THIẾT HẠI DO BÃO SỐ 5 VÀ BÃO 10
(Kèm theo Báo cáo số 245 /UBND-KT ngày 21 /9/2026 của UBND xã Kỳ Văn)

TT	Thôn (cũ)	Tổng giá trị thiệt hại tr.đồng	Vật nuôi bị thiệt hại (chết, mất tích)															Kinh phí đề xuất hỗ	
			Gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng, bồ câu)		Chim cút		Lợn		Lợn nái và lợn đực đang khai thác	Bê cái hướng sữa đến 6 tháng tuổi	Bò sữa trên 6 tháng tuổi	Trâu, bò thịt, ngựa		Hươu sao, dê, cừu, đà diểu	Thỏ		Ong mật	Tổng NSNN hỗ trợ tr.đồng	Tron Ngân sách Trung ương tr.đồng
			Đến 28 ngày tuổi con	Trên 28 ngày tuổi con	Đến 28 ngày tuổi con	Trên 28 ngày tuổi con	Đến 28 ngày tuổi con	Trên 28 ngày tuổi con	con	con	con	Đến 6 tháng tuổi con	Trên 6 tháng tuổi con	con	Đến 28 ngày tuổi con	Trên 28 ngày tuổi con	đàn		
			3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17		
A	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	Liên Sơn	46,473	27	246	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	10	13,942	11,154
2	Thanh Sơn	6,667	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	5	2,000	1,600
3	Nam Mỹ Lợi	16,513	87	80	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4,954	3,963
4	Bắc Sơn	42,273	98	277	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	12,682	10,146
5	Sa Xá	26,153	63	170	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	7,846	6,277
6	Nam Xuân	91,667	300	550	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	27,500	22,000
7	Tây Xuân	38,993	74	265	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	11,698	9,358
8	Hồng Xuân	34,400	115	205	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	10,320	8,256
9	Trung Xuân	229,567	520	1505	0	30	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	68,870	55,096
10	Hoà Hợp	101,753	23	790	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	30,526	24,421
11	Bắc Xuân	82,753	308	475	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	24,826	19,861
12	Đất Đỏ	21,533	0	170	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	6,460	5,168
13	Trung Sơn	44,700	50	245	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	13,410	10,728
14	Mỹ Liên	57,933	239	319	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	17,380	13,904
15	Trường Xuân	22,000	300	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	6,600	5,280
16	Văn Lạc	38,680	277	145	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	11,604	9,283
17	Đại Đồng	38,907	135	229	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	11,672	9,338
	TỔNG SỐ	940,967	2616	5671	0	30	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	15	282,290	225,832

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KỲ VẤN

trợ
g đó
NSDP đảm bảo
tr.đồng
20
2,788
0,400
0,991
2,536
1,569
5,500
2,340
2,064
13,774
6,105
4,965
1,292
2,682
3,476
1,320
2,321
2,334
56,458

